

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/LĐ-ST

Ngày: 25/7/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Miện

Ông Bùi Thế Hanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 2 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 13/2025/TLST-LĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng lao động, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-LĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần M

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị D, chức vụ: Nhân viên bảo hiểm công ty cổ phần M (Vắng mặt);

Địa chỉ: xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Ninh. (Nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh)

Bị đơn: Chị Giáp Thị H, sinh năm 1994 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. (Nay là tổ dân phố T, phường T, tỉnh Bắc Ninh)

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Giáp Thị H1, sinh năm 1996 (Vắng mặt);

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang. (Nay thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh)

2. Bảo hiểm xã hội khu vực XI

Người đại diện theo pháp luật: ông Hồ Minh T, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số B, đường H, phường D, thành phố B. (Số B, đường H, phường B, tỉnh Bắc Ninh)

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mai H2 – Phó giám đốc Bảo hiểm xã hội khu vực XI (Vắng mặt);
Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung vụ án như sau:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D đã trình bày:

Ngày 16 tháng 6 năm 2014, Công ty Cổ phần M (Gọi tắt là Công ty M) có ký hợp đồng lao động số: 7131/ HĐLĐ - GD giữa: đại diện của Công ty là ông Vũ Văn H3 – Phó tổng giám đốc và Chị Giáp Thị H – sinh ngày 29 tháng 12 năm 1994. Tuy nhiên, đến nay chị H đã liên hệ với Công ty để xác nhận người lao động trực tiếp tham gia lao động tại Công ty M là chị Giáp Thị H1 - sinh ngày 28/10/1996 chị không phải là chị H. Lý do có sự việc trên là chị H1 tại thời điểm ký hợp đồng lao động với Công ty thì chị H1 chưa đủ tuổi lao động. Vì thế, Công ty đã tiến hành rà soát và phát hiện có sự việc chị H1 đã mượn hồ sơ của chị H để ký hợp đồng lao động với Công ty.

Hơn nữa, tại thời điểm chị H cho chị H1 mượn hồ sơ thì chị H cũng đang lao động và đóng bảo hiểm tại Công ty TNHH C với số sổ là 2713042232. Vì thế, có việc trùng đóng bảo hiểm dưới tên Giáp Thị H từ tháng 07/2014 đến tháng 10/2014 với số sổ 2415029573 tại Công ty CP M. Vì có việc trùng bảo hiểm của chị H nên Công ty M mới biết người đã ký hợp đồng lao động với Công ty M không phải là Giáp Thị H mà là Giáp Thị H1.

Do người lao động khi thực hiện giao kết hợp đồng lao động đã vi phạm nguyên tắc: Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực được quy định tại Điều 15 Bộ luật lao động nên Công ty Cổ phần M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Nay là Tòa án khu vực II – Bắc Ninh) tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty M với người lao động là chị Giáp Thị H vô hiệu.

Bị đơn chị Giáp Thị H trình bày: Chị và chị Giáp Thị H1 có mối quan hệ họ hàng. Do hiểu biết pháp luật hạn chế và do nhu cầu việc làm để sinh sống của chị H1 nên chị đã đồng ý cho chị H1 các giấy tờ tùy thân để chị H1 nộp hồ sơ xin việc và ký hợp đồng lao động số 7131/HĐLĐ-GD ngày 16/6/2014 với Công ty M. Theo đó, chị H1 đã làm việc tại Công ty M từ tháng 7/2014 đến tháng 10/2014 thì nghỉ việc với sổ bảo hiểm xã hội số 2415029573 mang tên Giáp Thị H.

Bản thân chị cũng có nhu cầu việc làm để sinh sống nên chị cũng đã làm việc tại Công ty TNHH C và có tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo sổ sổ bảo hiểm là 2713042232 mang tên Giáp Thị H. Do có việc trùng thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 7/2014 đến tháng 10/2014 nên chị không thực hiện được các chế độ liên quan đến bảo hiểm xã hội của chị được. Vì vậy, việc Công ty M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa (Nay là Tòa án khu vực 2 – Bắc Ninh) tuyên bố hợp đồng lao động số 7131/HĐLĐ-GD ngày 16/6/2014 giữa công ty M với Giáp Thị H là vô hiệu thì đồng ý. Chị xác định chưa có thiệt hại gì khi tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên chị không yêu cầu Tòa

án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã trình bày:

Chị Giáp Thị H1 đã trình bày: Chị và chị Giáp Thị H có mối quan hệ họ hàng. Do có nhu cầu lao động nhưng chưa đủ tuổi ký hợp đồng lao động nên chị đã mượn các giấy tờ tùy thân của chị H để nộp hồ sơ xin việc và ký hợp đồng lao động số 7131/HĐLĐ-GĐ ngày 16/6/2014 với Công ty M. Theo đó, chị đã làm việc tại Công ty M từ tháng 7/2010 đến tháng 10/2014 thì nghỉ việc. Trong thời gian đó thì Công ty M thì Công ty M có đóng bảo hiểm xã hội cho chị theo sổ bảo hiểm xã hội số 2415029573 mang tên Giáp Thị H.

Nay Công ty M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh) tuyên bố hợp đồng lao động số 7131/HĐLĐ-GĐ ngày 16/6/2014 giữa Công ty M với chị Giáp Thị H vô hiệu thì chị đồng ý. Chị không có thiệt hại gì khi tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh B(Nay là Bảo hiểm xã hội khu vực XI) đã có ý kiến trình bày:

Bà Giáp Thị H, sinh ngày 29/12/1994, số CMT/CCCD 122111832/ 024194016212 tham gia BHXH tại 02 mã số BHXH 2415029573 và 2713042232, trùng thời gian từ tháng 07/2014 đến tháng 10/2014 (04 tháng) cụ thể:

+ Mã số BHXH 2415029573 có thời gian tham gia từ tháng 07/2014 đến tháng 10/2014 tại Công ty cổ phần M do Văn phòng BHXH khu vực XI quản lý thu. Mã số BHXH 2415029573 chưa hưởng các chế độ BHXH.

+ Mã số BHXH 2713042232 có thời gian tham gia từ tháng 02/2013 đến tháng 02/2019 tại Công ty TNHH C - Chi nhánh T1 do Văn phòng BHXH tỉnh B quản lý thu. Mã số BHXH 2713042232 hưởng trợ cấp thất nghiệp tháng 04/2019 và 11/2023.

Nay Công ty M yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động số 7131/HĐLĐ-GĐ ngày 16/6/2014 giữa Công ty cổ phần M với chị Giáp Thị H vô hiệu thì BHXH tỉnh B đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đặc thù tính chất công việc của Bảo hiểm xã hội khu vực XI, vậy BHXH khu vực xin được vắng mặt tại buổi làm việc tại các phiên tòa.

Tại phiên tòa các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn không bổ sung, thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện nên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020; Khoản 2 Điều 27 quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 2525/VBHN-BHXH ngày 15/8/2023 của B; Điều 3, Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp khu vực; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần M, tuyên Hợp đồng lao động số 7131/HĐLĐ-GĐ ngày 16/6/2014 giữa đại diện công ty cổ phần M do ông Vũ Văn H3 là đại diện với chị Giáp Thị H, sinh năm 1994. Cư trú: Thôn T, xã H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. (Nay là thôn T, xã T, tỉnh Bắc Ninh) là vô hiệu.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Công ty M khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động số: 7131/HĐLĐ-GĐ ngày 16/6/2014 giữa Công ty với chị Giáp Thị H vô hiệu (Do chị Giáp Thị H1 đã ký hợp đồng lao động với Công ty) vô hiệu do vi phạm nguyên tắc Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hợp đồng lao động” theo quy định Điều 15 Bộ luật lao động và Điều 32 Bộ luật dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Công ty M và người lao động ký hợp đồng lao động có trụ sở Công ty tại huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh). Các đương sự tự thỏa thuận với nhau yêu cầu Tòa án nơi Công ty có trụ sở giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2- Bắc Ninh) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 50 của Bộ luật Lao động. Hơn nữa, Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XV về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án

nhân dân khu vực và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, kể từ ngày 01/7/2025, Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền theo lãnh thổ tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền sơ thẩm vụ việc dân sự quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án là có căn cứ.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Đại diện theo ủy quyền của Công ty M, chị Giáp Thị H, chị Giáp Thị H1, đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh B đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

Công ty M yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số: 7131/HĐLĐ-GĐ ngày 16/6/2014 giữa đại diện công ty cổ phần M do ông Vũ Văn H3 là đại diện với chị Giáp Thị H vô hiệu Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình tố tụng, chị H và chị H1 thống nhất nội dung chị H cho chị H1 mượn giấy tờ tùy thân để xác lập hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2014 đến tháng 10/2014 tại Công ty M. Hơn nữa, cũng cùng thời điểm chị H cho chị H1 mượn tên để làm việc và đóng bảo hiểm tại Công ty Cổ phần M thì chị H cũng làm việc và đóng bảo hiểm tại Công ty TNHH C1 theo mã số bảo hiểm xã hội 2713042232. Vì thế, hiện nay chị H đang là một người nhưng tham gia đóng bảo hiểm ở hai Công ty khác nhau vào cùng một khoảng thời gian là từ tháng 7/2024 đến tháng 10/2024. Việc chị H1 mượn giấy tờ tùy thân của chị H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty M là vi phạm nguyên tắc “Trung thực” theo khoản 1 Điều 15 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019 đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

Bên cạnh yêu cầu khởi kiện tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của Công ty M và để đảm bảo quyền lợi cho chị Giáp Thị H thì việc tuyên bố hợp đồng lao động số: 7131/HĐLĐ – GĐ vô hiệu là cần thiết. Hơn nữa, chỉ khi hợp đồng lao động số 7131/HĐLĐ- GĐ vô hiệu thì Bảo hiểm xã hội XI mới căn cứ vào Quyết định của Tòa án và Điều 10 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; Khoản 2 Điều 27 quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 2525/VBHN-BHXH ngày 15/8/2023 của B để xem xét, giải quyết các chế độ bảo hiểm cho chị Giáp Thị H là có căn cứ.

Hơn nữa, việc trả lời của Bảo hiểm xã hội tỉnh B nay là Bảo hiểm xã hội khu vực XI đã xác nhận có sự việc: khoảng thời gian từ tháng 7/2024 đến tháng 10/2024 chị

Giáp Thị H tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty M, và từ tháng 02/2013 đến tháng 02/2019 tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH C1 tại Khu công nghiệp T, tỉnh Bắc Ninh theo mã số Bảo hiểm xã hội 2713042232 là thông tin xác thực cho việc chị H1 không trung thực khi ký hợp đồng lao động là có thật và có việc đóng trùng bảo hiểm xã hội là đúng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên hợp đồng lao động số 7131/HĐLĐ – GĐ ngày 06/6/2014 giữa Công ty M và chị Giáp Thị H vô hiệu.

Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết chế độ về bảo hiểm xã hội.

[3] Về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu:

Các đương sự xác định không có thiệt hại và không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý từ việc tuyên hợp đồng lao động vô hiệu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty M tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Công ty M phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

[6] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Bắc Ninh tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994;

- Các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020; Khoản 2 Điều 27 quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 2525/VBHN-BHXH ngày 15/8/2023 của B; Điều 3, Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp khu vực; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Tuyên bố Hợp đồng lao động số: 7131/HĐLĐ-GĐ ngày 16/6/2014 giữa Công ty Cổ phần M với chị Giáp Thị H vô hiệu.

- Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết chế độ về bảo hiểm xã hội. Trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan bảo hiểm xã hội thì đương sự có thể khởi kiện bằng vụ án hành chính khác.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty cổ phần M phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002666 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Nay là Thi hành án dân sự Khu vực 2- Bắc Ninh). Xác định Công ty cổ phần M đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2- Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2- Bắc Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hương Lan